

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày 05 tháng 11 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ánh D

*** *Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Tạ Quang H.

2. Ông Đào Xuân H.

*** *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị D - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

*** *Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thu H – Kiểm sát viên .

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2018/HSST, ngày 23 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2018/HSST- QĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

1. *Họ và tên: Vũ Đình N, sinh năm 1998*

- Tên gọi khác: Không;
- Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B.
- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Bố đẻ: Vũ Đình T, sinh năm 1969;
- Mẹ đẻ: Đoàn Thị L, sinh năm 1968;
- Vợ, con: chưa có
- Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai;
- Tiền án: không

- Tiền sự: ngày 10/8/2017, Công an xã L quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

- Nhân thân: Ngày 31/8/2018, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 8 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo đã được Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T áp giải đến Trại tạm giam Công an tỉnh B để chấp hành án phạt tù (Theo Bản án số: 23/2018/HSST ngày 31/08/2018 của Tòa án nhân dân huyện T) từ ngày 12/10/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Đại diện hợp pháp của người bị hại (Bà Ngô Thị H đã chết):

- Ông Dương Xuân H (Tức Dương Văn H), sinh năm 1965 (Có mặt)

- Anh Dương Xuân C, sinh năm 1989(Có mặt)

- Chị Dương Thị C, sinh năm 1992(Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn X, xã C, huyện T, tỉnh B.

3. Đại diện theo ủy quyền của anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C:

- Ông Dương Xuân H, sinh năm 1965(Có mặt)

Trú tại: Thôn X, xã C, huyện T, tỉnh B.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C:

- Ông Vy Văn M - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH , Đoàn luật sư thành phố H (Có mặt).

Địa chỉ: Tòa nhà C khu đô thị M, phường M, quận N, thành phố H.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Công Đ, sinh năm 1992(Có mặt)

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996(Có mặt)

Đều trú tại: thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B.

- Ông Dương Xuân H (Tức Dương Văn H), sinh năm 1965(Có mặt)

Trú tại: Thôn X, xã C, huyện T, tỉnh B.

- Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1968(Có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B.

6 Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn T L:

- Anh Hoàng Công Đ, sinh năm 1992

Trú tại: thôn Th, xã L, huyện T, tỉnh B .

7. Người làm chứng:

- Vũ Đình H, sinh năm 1993(Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B.

- Anh Ngô Văn S, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982(Vắng mặt)

- Anh Phùng Thế C (Tức Tuấn A), sinh năm 1992(Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1958(Vắng mặt)

Đều trú tại: Khu N, thị trấn C, huyện T, tỉnh B .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đình N - sinh năm 1998, trú tại thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B là người không có Giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 02/04/2018, N đang ở nhà thì có anh Hoàng Công Đ (sinh năm 1992, ở cùng thôn) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda - Lead, biển kiểm soát 98D1-536.91 đến chơi với anh trai Ninh là Vũ Đình H. Anh Đình dựng xe mô tô ở ngoài sân rồi vào trong nhà ngồi chơi uống nước cùng với anh Vũ Đình H. Khoảng 8 giờ cùng ngày, Ninh hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 98D1-536.91 của anh Đ để đi xuống thị trấn C, huyện T mua quần áo, anh Đ đồng ý. Sau khi anh Đ giao xe cho mượn, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98D1-536.91 xuống thị trấn C mua quần áo, sau đó điều khiển xe mô tô quay về.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô đi trên đường Tỉnh lộ 298 (theo hướng từ ngã tư N, thị trấn C đi xã L, huyện T), đến Km số 01+ 750m thuộc địa phận khu N, thị trấn C, huyện T, tỉnh B, là khu vực có ngã tư đường giao nhau giữa đường Tỉnh lộ 298 với đường từ khu N, thị trấn C đi thôn C, xã C, huyện T thì N phát hiện có bà Ngô Thị H - sinh năm 1967, trú tại thôn X, xã C, huyện T, tỉnh B đang điều khiển xe đạp đi phía trước và cùng chiều với chiều đi của N. Khi N điều khiển xe mô tô đi cách phía sau xe đạp của bà H khoảng 08m thì N thấy bà H điều khiển xe đạp từ từ chuyển hướng về phía bên trái đường theo chiều đi để rẽ vào đường đi thôn C, xã C. Thấy vậy, N đã xử lý phanh xe và điều khiển xe sang phần đường bên trái để tránh xe đạp do bà H đang điều khiển nhưng do N điều khiển xe đi với tốc độ cao (khoảng 60km/h) nên phần bên phải bánh trước xe mô tô do N điều khiển đã va chạm với bên trái khung xe đạp do bà H điều khiển làm xe đạp và xe mô tô đổ nghiêng rê trượt trên mặt đường sang lề đường bên trái, N và bà Hường bị ngã ra đường. Hậu quả: cả N và bà H đều bị thương được mọi người đưa đi Bệnh viện cấp cứu và điều trị, đến ngày 04/04/2018 thì bà H tử vong.

Sau khi nhận được tin báo về vụ tai nạn nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thành lập đoàn khám nghiệm, tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn. Kết quả như sau:

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường** (Phải, trái tính theo hướng từ ngã tư N, thị trấn C đi xã L, huyện T):

Hiện trường của đoạn đường xảy ra tai nạn là Km số 01+ 750m đường Tỉnh lộ 298 thuộc địa phận thôn N, thị trấn C, huyện T, tỉnh B. Mặt đường rải nhựa thẳng, phẳng, rộng 5,6m và được chia thành 2 phần đường bằng 1 vạch sơn đứt quãng ở giữa đường. Lề đường hai bên rải đất cấp phối. Lề đường bên trái rộng 2m và có đường nhánh đi thôn C, xã C, huyện T rộng 6,9m. Lề đường bên phải rộng 1,6m và có đường nhánh vào khu N, thị trấn C, huyện T rộng 8,6m. Sát lề đường bên trái có mương nước rộng 1,9m, sâu 1,2m có nước. Cách hiện trường vụ tai nạn 70m về phía ngã tư N, thị trấn C có biển báo nguy hiểm "Giao nhau với đường không ưu tiên" ở lề đường bên phải.

Trên mặt đường nhựa để lại vết cày xước thứ nhất (ký hiệu là số 1) có kích thước (22,2 x 0,48)m. Đầu vết cày xước cách lề đường bên trái 2,4m và cách tâm đường nhánh đi thôn C, xã C 6,5m; cuối vết cày xước trùng với mép đường nhựa bên trái (hướng tới vị trí xe mô tô biển kiểm soát 98D1-536.91 đỏ).

Cách đầu vết cày (1) về phía xã Liên Sơn 7,6m là đầu vết cày xước thứ hai (ký hiệu là số 2) có kích thước (23,75 x 0,4)m. Vết cày nằm trên mặt đường nhựa, đầu vết cách lề đường bên trái 2,4m và cách tâm đường nhánh đi thôn C, xã C 3,2m; cuối vết 2 trùng với mép đường nhựa bên trái (hướng tới vị trí xe đạp đỏ).

Trên mặt đường nhựa để lại vết máu có kích thước (0,85 x 0,55)m, tâm vết máu cách mép đường bên trái 0,6m.

Cách đầu vết cày (1) 28,87m và cách tâm vết máu 3,35m về phía xã L là trục bánh trước xe đạp. Xe đạp đỏ nghiêng sang phải và nằm trên lề đường bên trái. Trục bánh trước cách mép đường nhựa bên trái 0,6m; trục sau cách mép đường nhựa bên trái là 0,5m và cách đầu dấu vết cày (1) 29,9m.

Cách đầu vết cày (1) 24m về phía xã L là trục bánh trước xe mô tô biển kiểm soát 98D1-536.91. Xe mô tô biển kiểm soát 98D1-536.91 đỏ nghiêng sang phải và nằm tại mương nước sát lề đường bên trái. Phần bánh trước xe mô tô nằm phía dưới mương nước, phần bánh sau nằm trên bờ mương nước. Tâm trục bánh trước cách mép đường bên trái là 2,9m; tâm trục bánh sau cách mép đường bên trái 2,16m, cách đầu dấu vết cày (2) 17m, cách tâm dấu vết máu 3,4m và cách trục bánh sau xe đạp 6,1m.

*** Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn:**

+) Xe mô tô nhãn hiệu Honda- Lead, biển kiểm soát 98D1 – 536.91, màu sơn đen

- Cụm đèn chiếu sáng bật khớp định vị, treo tự do, bên trong có chứa nước. Ốp nhựa bên phải cụm đèn chiếu sáng có dấu vết mài sát, vỡ nhựa, kích thước (15 x 11)cm.

- Núm phanh bên phải có vết mài sát kim loại bám dính chất dính màu nâu, kích thước (02 x 02)cm. Đầu tay lái bên phải có vết mài sát kim loại xước sơn kích thước (02 x 01)cm. Cánh yếm bên phải bật khớp định vị có vết mài sát nhựa, xước sơn kích thước (60 x 11)cm. Ốp nhựa cụm đèn phía trước bên phải có vết vỡ nhựa kích thước (23 x 04)cm.

- Mặt ngoài cánh yếm bên trái có vết mài sát nhựa, xước sơn chiều hướng từ trước về sau, từ dưới lên trên kích thước (46 x 06)cm. Đầu núm tay phanh bên trái có vết mài sát kim loại bám dính chất dính màu nâu kích thước (02 x 02)cm. Đầu núm tay phanh bên trái có vết mài sát kim loại kích thước (02 x 01)cm.

- Chấn bụn phía trước có vết mài sát, vỡ, cong vênh nhựa, bám dính đất màu nâu và cỏ, có chiều hướng từ trước về sau từ phải qua trái từ dưới lên trên, kích thước (30 x 20) cm.

- Ốp nhựa phía dưới cụm đèn tín hiệu phía trước bật khớp định vị rời khỏi xe.

- Bánh lốp phía trước bám dính đất màu nâu, kích thước (40 x 12)cm. Mặt ngoài má lốp bánh xe phía trước bên phải có vết hằn lõm, trượt xước cao su, kim loại, hướng từ ngoài vào trong, kích thước (2,8 x 2,6)cm. Điểm gần nhất cách chân van 05cm.

- Mặt ngoài giảm sóc trước bên phải có vết hằn lõm hướng từ trước về sau, kích thước (1,7 x 1,2)cm. Điểm dưới cùng cách mặt đất 31cm.

- Mặt ngoài ốp nhựa phía dưới đê chân phía trước bên trái có vết mài sát nhựa xước sơn, bám dính đất màu nâu và cỏ, kích thước (20 x 04)cm.

- Ốp nhựa sườn bên phải có vết mài sát, vỡ nhựa tạo khe hở, kích thước (20 x 07)cm.

- Ốp nhựa bên trái bụng xe có vết vỡ nhựa tạo khe hở kích thước (17 x 01) cm. Điểm cao nhất cách mặt đất 65 cm.

- Hệ thống phanh bánh sau, gương chiếu hậu không còn tác dụng.

- Hệ thống đèn tín hiệu, đèn chiếu sáng, công tơ mét, hệ thống lái, hệ thống phanh bánh trước còn tác dụng.

+) Kết quả khám nghiệm xe đạp kiểu dáng mi ni, sơn màu trắng bạc, khung xe có dán chữ KASAWA CITY

- Phần khung xe cong vênh theo chiều hướng từ trái qua phải.
- Bàn đạp bên phải: phần giá nhựa đỡ chân rời khỏi xe, phần trục kim loại cong vênh, phần đầu trục kim loại có vết mài sát kim loại kích thước (1,5 x 1,5)cm.
- Mặt ngoài thanh ngang kim loại bên trái (nối giữa trục sau và trục bàn đạp) có vết mài sát bẹp méo kim loại, bám dính chất màu đen (nghi cao su), chiều hướng từ ngoài vào trong từ dưới lên trên, từ trước về sau, kích thước (06 x 1,8)cm. Tâm cách mặt đất 29cm và cách trục sau 36cm.
- Vành, bánh lốp sau cong vênh không rõ hình.
- Đầu tay lái bên trái có vết mài sát nhựa kích thước (02 x 0,5)cm.

*** Kết quả khám nghiệm tử thi:** Bà Ngô Thị H - sinh năm 1967, trú tại thôn X, xã C, huyện T, tỉnh B.

- Chiều dài tử thi 1,55m, thể trạng phát triển bình thường;
- Trang phục và các vật dụng mang theo: mặc quần áo kẻ xanh, nâu, nền trắng.
- Tình trạng tử thi đang trong giai đoạn mềm lạnh.
- Các dấu vết tổn thương trên cơ thể:
 - + Mắt nhắm tự nhiên, mũi, miệng khô, tai trái đọng máu khô màu đỏ.
 - + Má phải có 02 vết chọt da kích thước (03 x 01)cm và (03 x 2,5)cm. Má trái có vết chọt da kích thước (1,5 x 01)cm.
 - + Hố mắt phải bầm tím, kích thước (04 x 03)cm.
 - + Hố mắt trái bầm tím kích thước (05 x 03)cm.
 - + Vùng trán, đỉnh, chẩm phải, thái dương có vết mổ đã khâu dài 43 cm, diện khuyết xương sọ dưới vết mổ kích thước (18 x 11) cm.
 - + Vùng trán trái và cung mày trái có vết chọt rách da đã khâu, kích thước (07 x 03)cm.
 - + Sau tai trái bầm tím kích thước (07 x 3,5)cm.
 - + Vùng chẩm có vết chọt da kích thước (05 x 04)cm.
 - + Vùng thắt lưng trái có đám bầm tím, kích thước (10 x 07)cm, thắt lưng phải có 02 vết chọt da kích thước (02 x 01)cm và (02 x 0,5)cm.
 - + Mông phải có vết chọt da kích thước (10 x 06)cm
 - + Mặt trước trong cổ tay trái có 02 vết chọt da kích thước (02 x 01)cm và (02 x 1,5)cm.
 - + Mu bàn tay trái có vết chọt da trên diện (08 x 07)cm.

+ Khuỷu tay phải có đám chột da bẩm tím kích thước (08 x 05)cm, mu bàn tay phải có 03 vết chột da kích thước (01 x 01)cm, (01 x 0,5)cm, (01 x 0,5)cm.

+ Mặt sau 1/3 giữa đùi phải có đám bẩm tím kích thước (07 x 05)cm. Mặt trong 1/3 dưới cẳng chân phải có vết chột da kích thước (02 x 01)cm.

- Mô tử thi: Gia đình có đơn xin miễn mô tử thi.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 3439/18/GDPY ngày 05/04/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh B, kết luận: Nguyên nhân chết của bà Ngô Thị H là do Chấn thương sọ não, vỡ xương sọ, tụ máu nội sọ, phù não do tai nạn giao thông.

Ngày 11/04/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định để xác định cơ chế hình thành dấu vết trên hiện trường, trên phương tiện và trên trang phục của người tham gia giao thông trong vụ tai nạn giao thông trên.

Tại Kết luận giám định số 532/KL-PC54 ngày 22/04/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận:

“5.1. Dấu vết hằn lõm, trượt xước cao su, kim loại ở má lốp, vành trước bên phải của xe mô tô 98D1 – 536.91 được hình thành do va chạm với dấu vết bẹp lõm, trượt xước kim loại, dính chất màu đen ở khung xe bên trái của xe đạp tạo nên là phù hợp.

5.2. Vị trí va chạm giữa xe mô tô 98D1 – 536.91 với xe đạp trên mặt đường ở phía trước điểm đầu dấu vết cày xước, ký hiệu số 1, thuộc phần đường bên trái theo hướng thị trấn C – L.

5.3. Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe mô tô 98D1 – 536.91 với nạn nhân Ngô Thị H.

5.4. Không đủ cơ sở để xác định tốc độ của các phương tiện khi xảy ra tai nạn.”

Ngày 14/6/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tổ chức thực nghiệm điều tra để diễn tả lại quá trình xe mô tô biển kiểm soát 98D1 - 536.91 và xe đạp khi va chạm với nhau ngày 02/04/2018 và xác định vị trí Vũ Đình N điều khiển xe mô tô phát hiện xe đạp do bà Ngô Thị H điều khiển. Kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn và lời khai của Vũ Đình N trong quá trình điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 50/KL-ĐGTS ngày 4/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận:

- Tổng giá trị phần hư hỏng của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Lead, màu sơn đen, biển kiểm soát 98D1-536.91 là 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

- Tổng giá trị phần hư hỏng của chiếc xe đạp kiểu dáng mi ni, màu sơn trắng bạc là: 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng chẵn).

Như vậy có đủ căn cứ để xác định Vũ Đình N đã vi phạm vào khoản 1 Điều 5, Điều 11 Thông tư số 91/2015/TT- BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ và khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ.

Khoản 1 Điều 5, Điều 11 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải, quy định:

Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ

“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

1. Có biển cảnh báo nguy hiểm...”

Điều 11. Giữ khoảng cách an toàn tối thiểu giữa hai xe

“Khi điều khiển tham gia giao thông trên đường bộ, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình...”.

Khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ, quy định:

“1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, đúng phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”.

Khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ, quy định:

“1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình...”.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1- 536.91 là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Hoàng Công Đ và chị Nguyễn Thị L- sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B. Khi cho N mượn chiếc xe mô tô này, anh Đ không biết việc N không có Giấy phép lái xe mô tô theo quy định nên anh Đ không vi phạm pháp luật. Anh Đ đề nghị được nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 98D1-536.91 và yêu cầu Vũ Đình N phải bồi thường bồi thường cho anh phần hư hỏng của xe do tai nạn gây nên theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài

sản. Chiếc xe đạp kiểu dáng mi ni, sơn màu trắng bạc do bà Ngô Thị H điều khiển là tài sản của gia đình ông Dương Xuân H và bà Ngô Thị H. Nay ông H đề nghị được nhận lại chiếc xe đạp này.

Sau khi tai nạn xảy ra, gia đình Vũ Đình N đã đến gia đình bà người bị hại thăm hỏi và bồi thường thiệt hại cho gia đình bà H số tiền 5.000.000 đồng, đến nay ông Dương Xuân H (đại diện hợp pháp của người bị hại) yêu cầu Vũ Đình N phải bồi thường cho gia đình ông tiền chi phí cứu chữa và mai táng cho bà H là 20.898.000 đồng; phần thiệt hại của xe đạp theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và tiền tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật nhưng được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng gia đình N đã bồi thường.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, N đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số: 37/CT-VKS, ngày 22/10/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố Vũ Đình N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Đình N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình N 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 tháng tù của bản án HSST số: 23/2018/HSST, ngày 31/8/2018 của TAND huyện T, tỉnh B. Buộc bị cáo Vũ Đình N chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 02 tháng đến 04 năm 08 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án 12/10/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584; Điều 589; 591; Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS:

Công nhận sự thỏa thuận của đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện và bị cáo Vũ Đình N về việc bị cáo Vũ Đình N có trách nhiệm bồi thường cho ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện tổng số tiền 161.648.000 đồng, bao gồm:

Tiền khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh B là: 3.317.021 đồng; tiền mai táng phí, đào huyệt, chôn cất là 18.180.979 đồng; tiền thuê xe đi cấp cứu từ bệnh viện đa khoa huyện T đi bệnh viện đa khoa tỉnh B là : 250.000 đồng.; tiền thuê xe đưa bà H từ bệnh viện đa khoa tỉnh b về nhà là 500.000 đồng; tiền sửa chữa xe đạp bị hỏng là 400.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại là 1.390.000đồng mức lương cơ sở x 100 tháng = 139.000.000đồng.

Do gia đình bị cáo N đã bồi thường cho phía gia đình bị hại với tổng số tiền là 5.000.000 đồng nên bị cáo N còn phải bồi thường tiếp cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Dương Xuân Hùng, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện với số tiền là 156.648.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Vũ Đình N và anh Hoàng Công Đ, chị Nguyễn Thị L về việc bị cáo Vũ Đình N có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền cho anh Hoàng Công Đ, chị Nguyễn Thị L tổng giá trị phần hư hỏng của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Lead, màu sơn đen, biển kiểm soát 98D1-536.91 là 5.100.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của BLHS; khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

Trả lại ông Dương Xuân H chiếc xe đạp kiểu dáng mi ni, màu sơn trắng bạc (xe đã qua sử dụng, đã bị hư hỏng do tai nạn giao thông).

Trả lại vợ chồng anh Hoàng Công Đ, chị Nguyễn Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda – Lead, màu sơn đen, biển kiểm soát 98D1-536.91.

Bị cáo Vũ Đình N thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Ý kiến của ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C là đại diện hợp pháp của bị hại do ông Dương Xuân H đại diện thống nhất trình bày: Sau khi tai nạn xảy ra thì gia đình Vũ Đình N đã đến bồi thường thiệt hại cho gia đình bà Hường số tiền 5.000.000 đồng. Nay gia đình bà H yêu cầu bị cáo N bồi thường tổng số tiền 161.648.000đồng, bao gồm:

Tiền khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh B là: 3.317.021 đồng; tiền mai táng phí, đào huyệt, chôn cất là 18.180.979 đồng; tiền thuê xe đi cấp cứu từ bệnh viện đa khoa huyện T đi bệnh viện đa khoa tỉnh B là : 250.000 đồng.; tiền thuê xe đưa bà H từ bệnh viện đa khoa tỉnh bắc G về nhà là 500.000 đồng; tiền sửa chữa xe đạp bị hỏng là 400.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại là 1.390.000đồng mức lương cơ sở x 100 tháng = 139.000.000đồng.

Do gia đình bị cáo N đã bồi thường cho phía gia đình bị hại với tổng số tiền là 5.000.000 đồng nên thỏa thuận để bị cáo N còn phải bồi thường tiếp cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân

C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện với số tiền là 156.648.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Công Đ, chị Nguyễn Thị L trình bày: chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1- 536.91 là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Hoàng Công Đ và chị Nguyễn Thị L. Khi cho N mượn chiếc xe mô tô này, anh Đ không biết việc N không có Giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Anh Đ đề nghị được nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 98D1-536.91 và yêu cầu Vũ Đình N phải bồi thường bồi thường cho anh phần hư hỏng của xe do tai nạn gây nên theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản là 5.100.000 đồng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Xuân H trình bày: Sau khi tai nạn xảy ra, bà Đoàn Thị L là mẹ bị cáo N đã đến gia đình bị hại thăm hỏi và đưa 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại cho ông H nhận.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị L: Sau khi tai nạn xảy ra, bà L là mẹ bị cáo N đến gia đình bị hại thăm hỏi và đưa 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại cho ông H nhận.

Ý kiến của người làm chứng anh Ngô Văn S, chị Nguyễn Thị N, anh Phùng Thế C, chị Nguyễn Thị L, anh Vũ Đình H đều trình bày: Xe mô tô nhãn hiệu Honda-Lead biển kiểm soát 98D1-536.91 va chạm với xe đạp do bà Ngô Thị H điều khiển làm bà H bị tử vong.

* Luật sư Vy Văn M phát biểu: Nhất trí với tội danh, điều khoản áp dụng. đối với bị cáo N. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo N nghiêm khắc. Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân h đại diện và bị cáo Vũ Đình N về việc bị cáo Vũ Đình N có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 161.648.000đồng như ông H trình bày và trừ đi 5.000.000đồng đã bồi thường, còn lại buộc bị cáo N bồi thường tiếp cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện với số tiền là 156.648.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo Vũ Đình N nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi mình là trái pháp luật. Đề nghị xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý

kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 09 giờ ngày 02/4/2018, tại Km số 01 + 750m thuộc địa phận khu N, thị trấn C, huyện T - là khu vực có biển báo nguy hiểm "Giao nhau với đường không ưu tiên" (ngã tư đường giao nhau giữa đường Tỉnh lộ 298 với đường từ khu N, thị trấn C đi thôn C, xã C), bị cáo Vũ Đình N không có Giấy phép lái xe mô tô theo quy định nhưng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda-Lead biển kiểm soát 98D1-536.91 đi tốc độ 60km/h, do không tuân thủ quy định về tốc độ, khoảng cách và làn đường, phần đường theo quy định nên đã va chạm với xe đạp do bà Ngô Thị H điều khiển đi phía trước cùng chiều đang chuyển hướng về phía bên trái đường theo chiều đi để rẽ vào đường đi thôn C, xã C. Hậu quả làm bà H bị tử vong.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với: Bản kiểm điểm, bản tường trình và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của đại diện phía bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Như vậy, hành vi của bị cáo Vũ Đình N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng số: 37/CT-VKS, ngày 22/10/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện T và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội, làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự an toàn của người tham gia giao thông, bị dư luận quần chúng nhân dân lên án. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

Xét lỗi trong vụ án thì thấy: Bị cáo Vũ Đình N là người không có giấy phép lái xe mô tô. Bị cáo do không tuân thủ quy định về tốc độ, khoảng cách và làn đường, phần đường theo quy định, bị cáo không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ nên đã va chạm với xe đạp do bà Ngô Thị H điều khiển đi phía trước cùng chiều đang chuyển hướng về phía bên trái đường theo chiều đi để rẽ vào đường đi thôn C, xã C. Hậu quả làm bà H bị tử vong. Bị cáo đã vi phạm vi phạm vào khoản 1 Điều 5; Điều 11; Điều 12 Thông tư số 91/2015/TT- BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ và khoản 9, Điều 8; khoản 1, Điều 12 Luật giao thông đường bộ. Với khoảng cách 08m với bị hại theo bị cáo khai và nơi vết xước đầu tiên cách tim đường 4 m như trên thì có cơ sở xác

định bị hại có phần lỗi khi chuyển hướng sang đường đã không quan sát các xe đang đi tới (trong đó có xe mô tô của bị cáo), bị hại khi muốn chuyển hướng, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ, bị hại chỉ chuyển hướng sang đường khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác, chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi chuyển hướng theo Điều 15 Luật giao thông đường bộ và đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tai nạn. Do vậy xác định đây là lỗi hỗn hợp.

Xét nhân thân của bị cáo thấy:

Ngày 10/8/2017, Công an xã L quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 31/8/2018, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 8 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản. Hiện bị cáo đang chấp hành án theo bản án số 23/2018/HS – ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

Chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Không có.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo và gia đình là hộ cận nghèo, sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo tác động và gia đình bị cáo đã dùng hết khả năng bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền là 5.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị hại có phần lỗi. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, điểm s, khoản 1 khoản 2, Điều 51 – BLHS .

Sau khi xem xét hành vi, tính chất, mức độ, lỗi, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy trong tình hình hiện nay tai nạn giao thông đang có chiều hướng gia tăng, trong vụ án này lỗi hoàn toàn do bị cáo. Để đảm bảo việc giáo dục, răn đe, phòng chống vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ cần xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Vũ Đình N. Để bị cáo lấy đó làm bài học cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” ngày 31/3/2018 của bị cáo N (Được thực hiện trước hành vi vi phạm trên) đã bị xử phạt 08 tháng tù tại bản án HSST số 23/2018/HSST, ngày 31/8/2018 của TAND huyện T, tỉnh B, (Bản án đã có hiệu lực pháp luật). Nên cần áp dụng khoản 1, Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo N. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án 21/10/2018.

Bị cáo Vũ Đình N thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584; Điều 589; Điều 591; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của BLDS:

Công nhận sự thỏa thuận của Đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện và bị cáo Vũ Đình N về việc bị cáo Vũ Đình N có trách nhiệm bồi thường cho ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện tổng số tiền 161.648.000đồng, bao gồm:

Tiền khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh B là: 3.317.021 đồng; tiền mai táng phí, đào huyệt, chôn cất là 18.180.979 đồng; tiền thuê xe đi cấp cứu từ bệnh viện đa khoa huyện T đi bệnh viện đa khoa tỉnh B là : 250.000 đồng.; tiền thuê xe đưa bà H từ bệnh viện đa khoa tỉnh b về nhà là 500.000 đồng; tiền sửa chữa xe đạp bị hỏng là 400.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại là 1.390.000đồng mức lương cơ sở x 100 tháng = 139.000.000đồng.

Do gia đình bị cáo N đã bồi thường cho phía gia đình bị hại với tổng số tiền là 5.000.000 đồng nên bị cáo N còn phải bồi thường tiếp cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện với số tiền là 156.648.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Vũ Đình N và anh Hoàng Công Đ, chị Nguyễn Thị L về việc bị cáo Vũ Đình N có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền cho anh Hoàng Công Đ, chị Nguyễn Thị L tổng giá trị phần hư hỏng của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Lead, màu sơn đen, biển kiểm soát 98D1-536.91 là 5.100.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của BLHS; khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

Trả lại ông Dương Xuân H chiếc xe đạp kiểu dáng mi ni, màu sơn trắng bạc (xe đã qua sử dụng, đã bị hư hỏng do tai nạn giao thông), là tài sản của gia đình ông Dương Xuân H và bà Ngô Thị H.

Trả lại vợ chồng anh Hoàng Công Đ, chị Nguyễn Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda – Lead, màu sơn đen, biển kiểm soát 98D1-536.91, là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Hoàng Công Đ và chị Nguyễn Thị L. Khi cho Ninh mượn chiếc xe mô tô này, anh Đ không biết việc Ninh không có Giấy phép lái xe mô tô theo quy định nên anh Đ không vi phạm pháp luật.

Bị cáo Vũ Đình N thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Đình N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự; Điểm b, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 01 Điều 56; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình N 03 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 08 tháng tù của bản án HSST số: 23/2018/HSST, ngày 31/8/2018 của TAND huyện T, tỉnh B. Buộc bị cáo Vũ Đình N chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án 12/10/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584; Điều 589; Điều 591; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của BLDS:

- Công nhận sự thỏa thuận của Đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện và bị cáo Vũ Đình N về việc bị cáo Vũ Đình N có trách nhiệm bồi thường cho ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện tổng số tiền 161.648.000đồng, bao gồm:

Tiền khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh B là: 3.317.021 đồng; tiền mai táng phí, đào huyệt, chôn cất là 18.180.979 đồng; tiền thuê xe đi cấp cứu từ bệnh viện đa khoa huyện T đi bệnh viện đa khoa tỉnh B là : 250.000 đồng.; tiền thuê xe đưa bà H từ bệnh viện đa khoa tỉnh b về nhà là 500.000 đồng; tiền sửa chữa xe đạp bị hỏng là 400.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại là 1.390.000đồng mức lương cơ sở x 100 tháng = 139.000.000đồng.

Do gia đình bị cáo N đã bồi thường cho phía gia đình bị hại với tổng số tiền là 5.000.000 đồng nên bị cáo N còn phải bồi thường tiếp cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Dương Xuân H, anh Dương Xuân C, chị Dương Thị C do ông Dương Xuân H đại diện với số tiền là 156.648.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Vũ Đình N và anh Hoàng Công Đ, chị Nguyễn Thị L về việc bị cáo Vũ Đình N có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền cho anh Hoàng Công Đ, chị Nguyễn Thị L tổng giá trị phần hư hỏng của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Lead, màu sơn đen, biển kiểm soát 98D1-536.91 là 5.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của BLHS; khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

- Trả lại ông Dương Xuân H chiếc xe đạp kiểu dáng mi ni, màu sơn trắng bạc (xe đã qua sử dụng, đã bị hư hỏng do tai nạn giao thông).

- Trả lại vợ chồng anh Hoàng Công Đ, chị Nguyễn Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda – Lead, màu sơn đen, biển kiểm soát 98D1-536.91.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Vũ Đình N thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí DSST và án phí HSST.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa